TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2023/DS-PT
Ngày: 19/9/2023
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Ông Ngô Tấn Lợi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Trang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLPT- DS, ngày 12 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 486/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 142/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2023).

3. Người kháng cáo: Anh Lê Văn L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày:

Anh C và anh L là bạn bè. Anh C có cho anh L vay tiền 03 (ba) lần như sau:

- Ngày 23/9/2020 (thứ sáu), anh C cho anh L vay số tiền 250.000.000 đồng, trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất và hạn trả. Tuy nhiên, có thỏa thuận miệng lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 06 (sáu) tháng.

- Ngày 31/10/2020 (dl), anh C cho anh L vay số tiền 200.000.000 đồng; trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất và hạn trả. Tuy nhiên, có thỏa thuận miệng lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 06 (sáu) tháng.

- Ngày 04/12/2020 (dl) anh C cho anh L vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn trả là 07 ngày (ngày trả là ngày 11/12/2020), trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất 1,66%/tháng. Trong biên nhận, ghi anh L có thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh L, gồm: thửa 68 tờ bản đồ 40, thửa 28 tờ bản đồ 27, thửa 18 tờ bản đồ 40, thửa 410 tờ bản đồ 2.

Mục đích anh L vay tiền để đầu tư vào khu du lịch sinh thái "Đất Sen" tại xã T, huyện T do anh L làm chủ. Từ ngày vay đến nay, anh L không thực hiện trả lãi và hiện chưa trả vốn. Sau đó, anh L thỏa thuận miệng là đến ngày 25/12/2020 âm lịch (25 Tết) anh L sẽ hoàn trả các khoản vốn và 100.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng anh L không thực hiện.

Nay anh C yêu cầu anh L trả số tiền vốn vay còn nợ là 1.250.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/12/2020 (ngày vi phạm thỏa thuận) đến ngày 15/7/2022 là 19 tháng x 1,66%/tháng, thành tiền 394.250.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.644.250.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C yêu cầu anh L trả số tiền vốn vay còn nợ 1.250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 12/7/2023 đến ngày 12/3/2023 (trước ngày xét xử sơ thẩm sơ thẩm) là tròn 08 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 83.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.333.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

Quá trình tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn L vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 15/3/2023, Tòa án nhân dân huyện T, tuyên xử:

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn C.

Buộc anh Lê Văn L trả số tiền vay còn nợ gốc 1.250.000.000 đồng và tiền lãi 83.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

Anh Huỳnh Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 33.084.000 đồng theo lai thu số 0007977 ngày 26/7/2022 và lai thu số 0017070, ngày 20/02/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Anh Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 51.990.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2023, anh Lê Văn L có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc anh L trả số tiền theo biên nhận ngày 04/12/2020 là 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị N, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lê Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị N không yêu cầu giám định chữ ký của anh L tại biên nhận ngày 04/12/2020. Chị N trình bày anh C là người khởi kiện thì phải có nghĩa vụ chứng minh chữ ký trong biên nhận là của anh L. Chị N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục trưng cầu giám định chữ ký anh L trong biên nhận, chỉ căn cứ vào biên nhận ngày 04/12/2020, cam kết của anh C về việc xác định chữ ký trong biên nhận đúng là của anh L, buộc anh L trả khoản tiền vốn trong biên nhận là 800.000.000 đồng và tiền lãi, là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của anh L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

Nguyên đơn, anh Huỳnh Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh C trình bày: Anh C với anh L không phải là bạn bè, không làm ăn chung. Thông qua sự giới thiệu của bạn là chị Nguyễn Thị Ú, anh Lê Phước X, anh C cho anh L vay tiền 03 lần theo 03 biên nhận như trên. Đối với biên nhận ngày 04/12/2020, khi anh L đến nhà vay tiền, thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt chị Ú, anh X. Anh L ký tên vào biên nhận, nhận tiền có chị Ú, anh X chứng kiến. Ngày 14/9/2023, anh C yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để triệu tập chị Ú, anh X. Tuy nhiên, do chị Ú, anh X bận công việc nên không đến dự phiên tòa theo giấy triệu tập, anh C đồng ý Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử.

Anh C cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là: Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Văn L với chị Lê Thị Mỹ Y ngày 02/02/2021 (bản chính) để chứng minh chữ ký của anh L trong hợp đồng giống

với chữ ký của anh L trong biên nhận ngày 04/12/2020. Anh C không yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục giám định chữ ký của anh L trong biên nhận ngày 04/12/2020.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn L: Kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh L trả cho anh C số tiền theo biên nhận ngày 04/12/2020 là 800.000.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1.1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là các biên nhận viết tay do nguyên đơn anh C nộp, gồm:

- Biên nhận ngày 23/9/2020 (thứ sáu), nội dung: "Anh L có mượn số tiền 250.000.000 đồng; CMND số 341296037, cấp ngày 07/9/2016". Cuối biên nhận ký tên, ghi họ, tên Lê Văn L.

- Biên nhận ngày 31/10/2020, nội dung: "Hôm nay ngày 31/10/2020 (dl), tôi tên: Lê Văn L, CMND số 341296037, có mượn của anh Huỳnh Văn C số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)" . Cuối biên nhận ghi "Trường Xuân, ngày 31/10/2020 dl" và ký tên, ghi họ, tên Lê Văn L.

- Biên nhận ngày 04/12/2020 (dl), nội dung: "Hôm nay ngày 04/12/2020 (dl), tôi tên: Lê Văn L, CMND số 341296037, có mượn của anh Huỳnh Văn C số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu); Có thế chấp thửa 68 tờ bản đồ 40; thửa 28 tờ bản đồ 27; thửa 18 tờ bản đồ 40; thửa 410 tờ bản đồ 2" . Tiếp theo ghi: "Trường Xuân, ngày 04/12/2020" và ký tên L (không ghi họ tên). Cuối biên nhận ghi: " Thời hạn trả là 7 ngày (Ngày 11/12/2020), ký tên L (không ghi họ, tên).

[1. 2] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào 03 biên nhận trên, xử buộc anh L trả vốn tổng cộng là 1.250.000.000 đồng và lãi 83.000.000 đồng. Anh L đồng ý trả tiền vốn và lãi theo 02 biên nhận ngày 23/9/2020 và 31/10/2020, không kháng cáo đối với 02 biên nhận ngày 23/9/2020; 31/10/2020.

[1.3] Anh L chỉ kháng cáo đối với biên nhận ngày 04/12/2020, cho rằng không có ký tên vào biên nhận, không có vay 800.000.000 đồng, không có thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên. Tuy nhiên, anh L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh L không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện hoặc tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, không tham gia phiên hòa giải, không dự phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L vắng mặt lần thứ nhất không lý do, phiên tòa lần 2, anh L xin hoãn do bận công việc, xin "chuyển sang một ngày khác để có điều kiện tham gia và trình bày quan điểm về vụ án". Tại phiên tòa lần thứ 3, anh L không tham gia mà ủy quyền cho chị Nguyễn Thị N. Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn trong trường hợp không thừa nhận chứng cứ (là biên nhận) do nguyên đơn cung cấp, nhưng phía bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn anh L trong biên nhận ngày 04/12/2020.

[1.4] Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Nghĩa vụ chứng minh:

"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

.....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc."

[1.5] Do đó, căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là biên nhận ngày 04/12/2020, qua trình bày của nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định: Giữa anh C với anh L có thỏa thuận hợp đồng vay tài sản theo các biên nhận ngày 23/9/2020; 31/10/2020; 04/12/2020, tổng cộng anh L vay của anh C tiền vốn là 1.250.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất theo quy định tại Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, anh L chưa trả, vốn lãi cho anh C.

[1.6] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C xác định lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh L số tiền gốc 1.250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (12/7/2022) đến trước ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2020, tính tròn là 08 tháng, với lãi suất 0,83%/ tháng, thành tiền 83.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi của 03 biên nhận là 1.333.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh L trả cho anh C vốn gốc 1.250.000.000 đồng và lãi 83.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[1.7] Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thừa nhận có ký tên, vay tiền, thế chấp quyền sử dụng đất theo biên nhận 04/12/2020 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh kháng cáo là có căn cứ.

[1.8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh L trả cho anh C vốn gốc

1.250.000.000 đồng và lãi 83.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho rõ ràng, mạch lạc hơn.

[1.9] Đối với 04 giấy chứng nhận QSD đất ghi trong biên nhận, nguyên đơn anh C trình bày đã giao trả lại cho anh L để anh L làm thủ tục vay tiền Ngân hàng để trả nợ cho anh C nhưng anh L không thực hiện. Ngoài ra, anh C xác định 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải do anh L đứng tên. Mặt khác, phía bị đơn trình bày không có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh L không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn C.

1.1. Buộc anh Lê Văn L trả cho anh Huỳnh Văn C số tiền vay còn nợ: Vốn gốc 1.250.000.000 đồng và tiền lãi 83.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.333.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn chịu lãi

bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

2.1. Anh Huỳnh Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tổng cộng là 33.084.000 đồng theo biên lai thu số 0007977 ngày 26/7/2022 (số tiền 30.664.000 đồng) và biên lai thu số 0017070, ngày 20/02/2023 (số tiền 2.420.000 đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

2.2. Anh Lê Văn L phải chịu 51.990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh L nộp là 300.000 đồng ngày 18/5/2023 theo biên lai số 0002441 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí dân sự phúc thẩm. (Anh L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm). Anh L chỉ còn phải nộp 51.990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án huyện T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T;
- Phòng KTNV-TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Kiều Kim Xuân